

Bản án số: **53/2019/HS - ST**

Ngày 18/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thương Huyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương.**

Ông Lý A Hoi.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quàng Văn Long** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thuận** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/TLST- HS ngày 20 tháng 8 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đ Kh** Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/4/1997 tại tỉnh T B. Nơi ĐKKHKT: Xóm 04, xã V Đ, thành phố T B, tỉnh T B; Chỗ ở: Số nhà 6B, tổ 04, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Sinh viên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông; Họ và tên cha: Trần Văn T - Sinh năm: 1959; Họ và tên mẹ: Nhâm Thị M - Sinh năm: 1961; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can Trần Đ Kh bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/4/2019 đến ngày 02/5/2019, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, đến ngày 27/5/2019 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

*** Người bị hại:** Chị **Đỗ Th T**; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Đội 6, xã Th X, huyện B, tỉnh Đ (vắng mặt có lý do).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị **Trần Th T**; Sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh Đ (Có mặt);

- Chị Đặng Thị M; Sinh năm 1997; Xóm 06, thôn T P, xã V Đ, thành phố T B, tỉnh T B (Văng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đ Kh:

Khoảng tháng 10/2017 bị cáo Trần Đ Kh mượn điện thoại Iphone 7 Plus của chị Đỗ Th T để sử dụng. Khi sử dụng Kh thấy điện thoại của chị Th lưu 01 video, thời lượng 19 phút 28 giây, quay cảnh chị Th quan hệ tình dục với người yêu cũ. Kh liền dùng tài khoản gmail của chị Th có sẵn trong điện thoại, gửi nội dung đoạn video đó vào tài khoản gmail của Kh, có địa chỉ Khpro74@gmail.com mục đích để xem. Sau khi gửi xong, Kh đã xóa thư vừa gửi trong tài khoản gmail của chị Th để không bị phát hiện. Đến ngày 20/4/2019 Kh cần tiền chi tiêu, đã nảy sinh ý định sử dụng đoạn video trên đe dọa uy hiếp tinh thần, lấy tiền của chị Th. Sáng ngày 23/4/2019 Kh sử dụng điện thoại Iphone 5S màu trắng, mượn của chị Trần Th T đăng ký tài khoản gmail hackervn914@gmail.com và facebook có tên “Hach Việt Nam”, mục đích để liên hệ với chị Th, chuyển ảnh, video đe dọa buộc chị Th phải chuyển tiền cho Kh. Kh sử dụng tài khoản gmail, facebook trên chuyển video và các ảnh chụp từ đoạn video ra cho chị Th, yêu cầu chị Th chuyển cho Kh số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 25/4/2019, nếu không sẽ phát tán lên mạng internet. Do lo sợ chị Th buộc phải đồng ý với yêu cầu của Kh và đề nghị Kh không được tiết lộ video cho người khác biết hoặc đăng lên mạng internet. Sáng ngày 25/4/2019, Kh hỏi số tài khoản Ngân hàng của chị Đặng Thị M để chuyển tiền nhờ nhưng không nói cho Mai biết việc phạm tội, chị Mai đồng ý cho Kh số tài khoản. Kh nhắn tin yêu cầu chị Th chuyển tiền vào số tài khoản của Mai. Do mới chuẩn bị được 5.000.000 đồng nên chị Th nhắn tin cho Kh xin chuyển trước 5.000.000 đồng, số tiền 15.000.000 đồng còn lại sẽ chuyển cho Kh sau. Kh đồng ý, hẹn ngày 05/5/2019 chị Th sẽ phải chuyển nốt. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày chị Th ra Ngân hàng Nông nghiệp nông thôn tỉnh Điện Biên chuyển 5.000.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng có tên Đặng Thị M theo yêu cầu của Kh và chụp ảnh giao dịch lại gửi cho Kh. Sau khi Th chuyển tiền xong, Kh nhờ Mai kiểm tra và chuyển lại số tiền trên vào tài khoản ngân hàng BIDV số 36010000383200 của Kh, do bị trừ phí nên Mai chỉ chuyển được cho Kh số tiền 4.970.000 đồng, số tiền chiếm đoạt được Kh đã rút 2.000.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết 1.200.000 đồng, còn 2.970.000 đồng vẫn trong tài khoản của Kh.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ của Kh: số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng kèm sim, vỏ ốp cùng một số thẻ, giấy tờ có liên quan.

Tại Cơ quan Công an, Trần Đ Kh đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình

như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án gồm có: Số tiền 800.000 đồng; 01 (một) 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng kèm sim. Ngày 28/7/2019 Cơ quan CSĐT- Công an TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã trả lại cho bị hại, chủ sở hữu tài sản là chị Đỗ Th T; Sinh ngày: 14/12/1995; Địa chỉ: Đội 6, xã Th X, huyện B, tỉnh Đ số tiền 800.000 đồng; Sau khi nhận được tài sản chị Th yêu cầu Kh trả lại cho chị 5.000.000 đồng đã chiếm đoạt, đồng thời yêu cầu Kh bồi thường cho chị 20.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần, uy tín danh dự. Chị Th đã nhận được tổng số 8.700.000 đồng, yêu cầu Kh bồi thường tiếp 16.300.000 đồng. Kh nhất trí việc bồi thường trên.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng kèm theo thẻ , sim, ốp điện thoại bằng nhựa dẻo đã cũ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Đ Kh; 01 thẻ ngân hàng Viettin bank mang tên Trần Đ Kh; 01 thẻ khách hàng Meridit mang tên Trần Đ Kh; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Trần Đ Kh. Ngày 29/7/2019 Cơ quan CSĐT- Công an TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã trả lại cho chị Trần Th T và bị cáo Trần Đ Kh.

Tại Bản cáo trạng số: 53/CT- VKSTPĐBP ngày 19/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đ Kh: 18 tháng đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo và chị Th đã thỏa thuận được mức bồi thường. Bị cáo đã bồi thường chị Th được tổng số 8.700.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 16.300.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị

cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được đi làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Điện Biên Phủ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoản tháng 10/2017 bị cáo đã mượn điện thoại của chị Đỗ Th T để sử dụng, khi sử dụng bị cáo thấy điện thoại của chị Th lưu 01 video, thời lượng 19 phút 28 giây, quay cảnh chị Th quan hệ tình dục với người yêu cũ. Kh liền dùng tài khoản gmail của chị Th có sẵn trong điện thoại, gửi nội dung đoạn video đó vào tài khoản gmail của Kh, có địa chỉ Khpro74@gmail.com, từ ngày 23/4/2019 đến ngày 25/4/2019 bị cáo đã có hành vi nhắn tin, gửi thư điện tử đe dọa phát tán hình ảnh, video nhạy cảm của chị Th uy hiếp tinh thần của chị Th nhằm chiếm đoạt 20.000.000 đồng. Bị cáo đã chiếm đoạt được 5.000.000 đồng của chị Th.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Đ Kh đã phạm vào tội Cường đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3]. Về tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, Bị cáo đã có hành vi sử dụng đoạn video nhạy cảm đe dọa uy hiếp tinh thần, lấy tiền của chị Th yêu cầu chị Th chuyển cho Kh số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo đã chiếm đoạt được 5.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của

người khác một cách trái pháp luật, bị cáo đã dùng thủ đoạn không chế bị hại buộc bị hại phải chuyển tiền để bị cáo chiếm đoạt một cách hợp pháp, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Chính vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo Trần Đ Khvě tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Căn cứ các quy định của pháp luật và xem xét toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy tuổi đời của bị cáo còn trẻ và có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án, đó cũng là thể hiện sự Khn hồng của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, nghề nghiệp không ổn định nên không có khả năng thi hành. Do vậy HĐXX không áp dụng các hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Công an đã tạm thu số tiền 800.000 đồng đã trả lại cho bị hại nhận ngày 28/7/2019; 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng kèm sim, vỏ ốp (bị cáo mượn của chị Trần Th T, chị Th không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội) cùng một số thẻ, giấy tờ Cơ quan điều tra đã trả cho chị Th và bị cáo nhận ngày 29/7/2019. Xét việc trả lại tài sản là có căn cứ HĐXX chấp nhận.

Người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận được mức bồi thường trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa ghi nhận, bị cáo đã bồi thường được 8.700.000 đồng, yêu

cầu bị cáo Kh bồi thường tiếp 16.300.000 đồng. Do vậy HĐ xét xử chấp nhận việc thỏa thuận trên.

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường thêm 16.300.000 đồng; về trách nhiệm hình sự xin Hội đồng xét xử xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét đề nghị của người bị hại là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người bị hại tự thỏa thuận được việc bồi thường, do vậy bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Đ Kh 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2019) về tội “Cưỡng đoạt tài sản” . Giao bị cáo Trần Đ Kh cho Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh Đ giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H L trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án, trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù”

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS.

- Chấp nhận các biên bản trao trả tài sản ngày 28/7/2019 và ngày 29/7/2019.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Th T số tiền 16.300.000 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm Th T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2019). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2019)./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Him Lam;
- UBND xã V Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

